

Đào Minh Châu, CFA

chaudm@ssi.com.vn

+84 24 3936 6321 ext. 8704

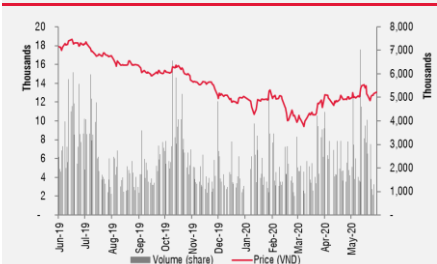
Ngày 23/06/2020

NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Các chỉ tiêu chính

| | |
|--|-----------|
| Giá trị vốn hoá (triệu USD) | 96 |
| Giá trị vốn hoá (tỷ đồng) | 2.234 |
| Số cổ phiếu lưu hành (triệu) | 171 |
| Giá cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND) | 19,4/9,2 |
| KLGD trung bình 3 tháng | 2.373.874 |
| GTGD trung bình 3T (tr USD) | 1,24 |
| GTGD trung bình 3T (tỷ VND) | 28,83 |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | 4,23 |
| Tỷ lệ sở hữu Nhà nước (%) | 0 |
| Tỷ lệ sở hữu Ban lãnh đạo (%) | N.a |

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (AAA: HOSE) là nhà xuất khẩu bao bì nhựa lớn nhất Việt Nam. Công ty thành lập với số vốn điều lệ chỉ 0,5 tỷ đồng. Trong suốt 14 năm lịch sử, công ty đã tăng vốn điều lệ nhiều lần và cổ phần hóa vào năm 2006 với vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội năm 2010 với vốn điều lệ là 99 tỷ đồng, mã chứng khoán AAA

CẬP NHẬT CÔNG TY

Triển vọng phục hồi lợi nhuận trong các quý sắp tới nhờ mảng cho thuê khu công nghiệp

AAA ghi nhận lợi nhuận ròng Q1/2020 đạt 63 tỷ đồng, đi ngang so với quý trước – mặc dù có mức giảm đáng kể là -72% YoY do không ghi nhận doanh thu từ việc cho thuê khu công nghiệp mới. Mặc dù lợi nhuận ròng đi ngang so với quý trước, chúng tôi lưu ý rằng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 8,5 tỷ đồng (9%) trong quý. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận hoạt động vẫn cải thiện nhẹ lên 5,4% trong Q1/2020 từ mức 5,1% trong Q4/2019. Chúng tôi ước tính lợi nhuận của công ty có thể tăng trong các quý sắp tới khi một phần khu công nghiệp có thể được cho thuê và mang lại khoảng 500 tỷ đồng lợi nhuận cho cả năm 2020.

Chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận ròng hợp nhất trong năm 2020 của AAA lần lượt đạt 7,49 nghìn tỷ đồng (-19% YoY) và 451 tỷ đồng (-10% YoY). Mặc dù EPS 2020 ước tính giảm 36% YoY do ảnh hưởng từ việc chuyển đổi cổ phiếu APH sắp tới, lợi nhuận ròng và EPS của AAA có thể phục hồi lên 7,6% trong năm 2021 nhờ tiết kiệm chi phí lãi vay với nguồn tiền từ phát hành cổ phiếu mới.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu, với giá mục tiêu là 15.100 đồng/cp. Việc phục hồi lợi nhuận của công ty nhờ vào việc cho thuê khu công nghiệp, PE dự phóng hấp dẫn lần lượt ở mức 7,0x và 6,5x trong năm 2020 và 2021, cùng với tỷ lệ cổ tức tiền mặt là 8%, có thể là yếu tố hỗ trợ tăng giá cổ phiếu trong tương lai.

| (tỷ đồng) | 1Q20 | 1Q19 | YoY | 4Q19 | QoQ | % hoàn thành kế hoạch năm | TSLN | | | |
|----------------------------------|-------|-------|--------|-------|--------|---------------------------|-------|-------|-------|------|
| | | | | | | | 1Q20 | 1Q19 | 4Q19 | 2019 |
| Doanh thu thuần | 1.572 | 2.612 | -39,8% | 1.833 | -14,2% | 16% | | | | |
| Lợi nhuận gộp | 179 | 375 | -52,3% | 176 | 1,3% | | 11,4% | 14,3% | 9,6% | 8,4% |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh | 85 | 285 | -70,0% | 94 | -9,0% | | 5,4% | 10,9% | 5,1% | 4,2% |
| EBIT | 124 | 319 | -61,0% | 128 | -2,6% | | 7,9% | 12,2% | 7,0% | 4,7% |
| EBITDA | 192 | 381 | -49,7% | 195 | -1,9% | | 12,2% | 14,6% | 10,7% | 7,8% |
| Lợi nhuận trước thuế | 74 | 273 | -72,9% | 78 | -5,1% | | 4,7% | 10,4% | 4,2% | 3,2% |
| Lợi nhuận ròng | 63 | 224 | -72,0% | 64 | -1,9% | 11% | 4,0% | 8,6% | 3,5% | 2,6% |
| Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông | 58 | 214 | -72,7% | 59 | -0,7% | | 3,7% | 8,2% | 3,2% | 2,3% |

Nguồn: AAA, SSI Research

| | Doanh thu | | | Lợi nhuận gộp | | | TSLN gộp | |
|----------------------|------------------|------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|---------------|---------------|
| | 1Q19 | 1Q20 | Tăng trưởng | 1Q19 | 1Q20 | Tăng trưởng | 1Q19 | 1Q20 |
| Tổng cộng | 2.612.337 | 1.572.347 | -40% | 374.652 | 178.766 | -52% | 14,51% | 11,37% |
| Hoạt động thương mại | 1.164.476 | 623.426 | -46% | 25.599 | 32.131 | 26% | 2,20% | 5,15% |
| Bao bì nhựa | 851.600 | 776.264 | -9% | 113.264 | 103.385 | -9% | 13,30% | 13,32% |
| Bắt động sản | 468.632 | 14.420 | -97% | 204.636 | 8.011 | -96% | 43,67% | 55,56% |

Nguồn: AAA, SSI Research

Tổng doanh thu giảm đáng kể -39,8% chủ yếu do mảng hoạt động thương mại và khu công nghiệp, trong khi sản lượng tiêu thụ của mảng kinh doanh cốt lõi vẫn đi ngang:

Doanh thu từ mảng **hoạt động thương mại** giảm 46,5% YoY đạt 623 tỷ đồng trong Q1/2020. Hoạt động thương mại chiếm 40% trong tổng doanh thu trong quý. Trong khi giá bán bình quân giảm 24% phù hợp theo đà giảm của giá hạt nhựa, hoạt động thương mại giảm 30% phù hợp với chính sách của công ty nhằm giảm hoạt động thương mại theo hướng cải thiện tỷ suất lợi nhuận và quản lý các khoản phải thu. Do đó, lợi nhuận gộp của mảng hoạt động thương mại tăng 26% YoY, với tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 5,2% trong Q1/2020 từ mức 2,2% trong Q1/2019 và 3% trong Q4/2019.

Sản lượng tiêu thụ bao bì nhựa đi ngang: Sản lượng tiêu thụ của bao bì nhựa gần như không đổi so với Q1/2019 ở mức 22 nghìn tấn. Sản lượng tiêu thụ tại thị trường Châu Âu và Nhật Bản giảm nhẹ được bù đắp với mức tăng 10% sản lượng tiêu thụ ở thị trường Mỹ. Thị trường Châu Âu vẫn là thị trường lớn nhất, chiếm 49% tổng sản lượng tiêu thụ, trong khi thị trường Nhật Bản và thị trường Mỹ chiếm lần lượt 32% và 11% sản lượng tiêu thụ của công ty. Tỷ suất lợi nhuận gộp từ mảng này cũng đi ngang ở mức 13,3%. Mảng này không chịu nhiều ảnh hưởng bởi biến động của giá dầu, vì công ty đã cố định tỷ suất lợi nhuận đối với hầu hết các sản phẩm của công ty.

Lợi nhuận từ mảng khu công nghiệp có thể phục hồi vào Q2 hoặc Q3/2020: AAA hiện đang thương lượng với một đối tác để cho thuê một phần khu công nghiệp của công ty. AAA kỳ vọng sẽ cho thuê 20 nghìn m2 đất và 40 nghìn m2 nhà xưởng trong Q2/2020 hoặc Q3/2020. Nếu thành công, thương vụ này có thể mang lại 200 tỷ đồng doanh thu.

Cập nhật về dự án nguyên vật liệu sinh học tự hủy: Anphat Holdings, công ty mẹ của AAA, có dự án PBAT với vốn đầu tư khoảng 73,5 triệu USD, dự kiến sẽ khởi công vào đầu năm 2021 và hoàn thành sau 18 tháng. Dự án có công suất hàng năm là 20 nghìn tấn hạt nhựa PBAT, một nguyên liệu sinh học tự hủy. Theo Ban lãnh đạo, dự án nguyên vật liệu tự hủy này có thể giúp AAA giảm thiểu chi phí sản xuất đối với bao bì và dao kéo nhựa tự hủy, các sản phẩm hiện đang chiếm khoảng 10% tổng sản lượng tiêu thụ các thành phẩm của AAA. Tỷ trọng này dự kiến tăng lên 30-40%, tương đương 30-40 nghìn tấn/năm, trong 3-5 năm tới. Như đã đề cập trong báo cáo trước, dự án dự kiến giúp giảm chi phí nguyên liệu nhựa sinh học khoảng 30% so với giá nhập khẩu.

Kế hoạch chuyển đổi cổ phiếu AAA của Anphat Holdings: APH dự kiến sẽ thực hiện chuyển đổi chứng quyền trong năm 2020 để có thể mua 40 triệu cổ phiếu với mức giá là 14.000 đồng/cp. Sau khi chuyển đổi, APH sẽ tăng tỷ lệ sở hữu tại AAA từ 48% lên 58%. Mặc dù chuyển đổi cổ phiếu sẽ làm tăng cổ phiếu đang lưu hành của AAA thêm 23,4% và bị pha loãng, dòng tiền trị giá 560 tỷ đồng từ thương vụ này sẽ giúp chi phí lãi hàng năm của AAA giảm khoảng 40 tỷ đồng.

Ước tính lợi nhuận

Mặc dù lợi nhuận từ mảng sản xuất và hoạt động thương mại sát với quan điểm của chúng tôi, chúng tôi điều chỉnh giảm dự báo lợi nhuận từ 543 tỷ đồng xuống 450 tỷ đồng (-10% YoY) do việc trì hoãn cho thuê khu công nghiệp An Phát do dịch Covid-19. Chúng tôi giả định rằng công ty sẽ cho thuê 25 nghìn m2 đất (-63% YoY) và cho thuê 40 nghìn m2 nhà xưởng (-33% YoY) trong năm 2020, mang lại doanh thu và lợi nhuận gộp lần lượt là 501 tỷ đồng (-29% YoY) và 207 tỷ đồng (-33% YoY) trong năm 2020.

Mặt khác, chúng tôi ước tính các nhà máy bao bì nhựa sẽ đạt tối đa công suất sản xuất, với sản lượng tiêu thụ đạt 101 nghìn tấn (+6% YoY). Do đó, doanh thu và lợi nhuận gộp từ mảng này ước tính đạt 3.05 nghìn tỷ đồng (-12% YoY) và 497 tỷ đồng (+1% YoY). Trong khi đó, doanh thu và lợi nhuận gộp từ mảng hoạt động thương mại ước tính đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (-29% YoY) và 129 tỷ đồng (+11% YoY).

Với những giả định này, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận ròng hợp nhất của AAA trong năm 2020 giảm lần lượt còn 7,49 nghìn tỷ đồng (-19% YoY) và 451 tỷ đồng (-10% YoY). Trong năm 2021, nhà máy bao bì nhựa của công ty đạt tối đa công suất, chúng tôi ước tính doanh thu giảm nhẹ còn 7.354 tỷ đồng (-2% YoY). Lợi nhuận sau thuế ước tính tăng 7,6% đạt 488 tỷ đồng nhờ chi phí lãi giảm như đã đề cập ở trên. Chúng tôi giả định công ty sẽ cho thuê hết diện tích còn lại (khoảng 65 nghìn m²) của khu công nghiệp An Phát trong năm tới. Do đó, EPS năm 2020 và 2021 ước tính ở mức 1.858 đồng (-35,9% YoY) và 1.998 đồng (+7,6% YoY).

Định giá và quan điểm đầu tư

Với mức giá hiện tại, AAA đang giao dịch với hệ số P/E 2020 và 2021 là 7,0x và 6,5x, khá hấp dẫn theo quan điểm của chúng tôi. Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN đối với cổ phiếu, với giá mục tiêu là 15.100 đồng/cp dựa theo phương pháp SoTP, với triển vọng tăng giá là 16% so với giá hiện tại. Giá mục tiêu đã tính đến sự pha loãng của EPS sau khi chuyển đổi cổ phần của APH như đã đề cập ở trên. Sự phục hồi lợi nhuận của công ty nhờ cho thuê khu công nghiệp, cùng tỷ lệ cổ tức tiền mặt là 8%, có thể là các yếu tố hỗ trợ tăng giá cho cổ phiếu trong tương lai.

| | | |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------|
| Bất động sản | RNAV | 787 tỷ đồng |
| Khác | PE – dựa trên PR mục tiêu là 8x | 2.408 tỷ đồng |
| Tổng trị giá | | 3.195 tỷ đồng |
| Giá trị hợp lý/cổ phiếu | | 15.100 |

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

| Tỷ đồng | 2018 | 2019 | 2020F | 2021F |
|---|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 645 | 350 | 377 | 647 |
| + Đầu tư ngắn hạn | 721 | 1.194 | 1.460 | 1.460 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn | 1.613 | 2.077 | 1.684 | 1.655 |
| + Hàng tồn kho | 863 | 1.226 | 976 | 956 |
| + Tài sản ngắn hạn khác | 147 | 128 | 94 | 93 |
| Tổng tài sản ngắn hạn | 3.989 | 4.974 | 4.591 | 4.811 |
| + Các khoản phải thu dài hạn | 21 | 96 | 75 | 74 |
| + GTCL Tài sản cố định | 2.199 | 2.081 | 2.053 | 2.010 |
| + Bất động sản đầu tư | 0 | 223 | 224 | 225 |
| + Đầu tư dài hạn | 1.208 | 294 | 294 | 294 |
| + Lợi thế thương mại | 48 | 124 | 15 | 15 |
| + Tài sản dài hạn khác | 63 | 198 | 130 | 128 |
| Tổng tài sản dài hạn | 3.540 | 3.016 | 2.790 | 2.745 |
| Tổng tài sản | 7.529 | 7.990 | 7.382 | 7.555 |
| + Nợ ngắn hạn | 3.206 | 3.226 | 2.513 | 2.463 |
| Trong đó: vay ngắn hạn | 2.492 | 2.397 | 1.887 | 1.849 |
| + Nợ dài hạn | 1.343 | 1.499 | 814 | 798 |
| Trong đó: vay dài hạn | 1.343 | 1.375 | 846 | 829 |
| Tổng nợ phải trả | 4.549 | 4.724 | 3.327 | 3.261 |
| + Vốn góp | 1.712 | 1.712 | 2.112 | 2.112 |
| + Thặng dư vốn cổ phần | 532 | 532 | 712 | 712 |
| + Lợi nhuận chưa phân phối | 266 | 611 | 792 | 1.003 |
| + Quỹ khác | 470 | 411 | 438 | 468 |
| Vốn chủ sở hữu | 2.980 | 3.266 | 4.054 | 4.294 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | 7.529 | 7.990 | 7.382 | 7.555 |
| Lưu chuyển tiền tệ | | | | |
| Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh | 39 | 805 | 789 | 736 |
| Dòng tiền từ hoạt động đầu tư | -2.628 | -1.117 | -92 | -200 |
| Dòng tiền từ hoạt động tài chính | 2.726 | 17 | -670 | -266 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 136 | -295 | 27 | 270 |
| Tiền đầu kỳ | 510 | 645 | 350 | 377 |
| Tiền cuối kỳ | 645 | 350 | 377 | 647 |
| Các hệ số khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | 1,24 | 1,54 | 1,83 | 1,95 |
| Hệ số thanh toán nhanh | 0,93 | 1,12 | 1,4 | 1,53 |
| Hệ số thanh toán tiền mặt | 0,43 | 0,48 | 0,73 | 0,86 |
| Nợ ròng / EBITDA | 4,05 | 3,06 | 2,37 | 2,23 |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 3,02 | 3,65 | 3,71 | 4,62 |
| Ngày phải thu | 25,3 | 28 | 32,3 | 29,5 |
| Ngày phải trả | 28,4 | 27,4 | 29,8 | 25,8 |
| Ngày tồn kho | 34,8 | 46,5 | 61,8 | 55,3 |
| Cơ cấu vốn | | | | |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 0,4 | 0,41 | 0,55 | 0,57 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,6 | 0,59 | 0,45 | 0,43 |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu | 1,53 | 1,45 | 0,82 | 0,76 |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,29 | 1,15 | 0,67 | 0,62 |
| Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu | 0,84 | 0,73 | 0,47 | 0,43 |

Nguồn: AAA, SSI Research

| Tỷ đồng | 2018 | 2019 | 2020F | 2021F |
|--|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh | | | | |
| Doanh thu thuần | 8.012 | 9.240 | 7.486 | 7.354 |
| Giá vốn hàng bán | -7.339 | -8.198 | -6.506 | -6.377 |
| Lợi nhuận gộp | 673 | 1.042 | 980 | 977 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 62 | 180 | 145 | 143 |
| Chi phí tài chính | -209 | -266 | -225 | -186 |
| Thu nhập từ công ty liên kết | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | -157 | -217 | -210 | -206 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | -124 | -149 | -150 | -147 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 246 | 590 | 540 | 581 |
| Thu nhập khác | 8 | 7 | 0 | 0 |
| Lợi nhuận trước thuế | 254 | 597 | 540 | 581 |
| Lợi nhuận ròng | 212 | 502 | 454 | 488 |
| Lợi nhuận chia cho cổ đông | 180 | 468 | 426 | 459 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 32 | 33 | 27 | 29 |
| EPS cơ bản (VND) | 1.115 | 2.897 | 1.858 | 1.998 |
| Giá trị sổ sách (VND) | 15.075 | 17.142 | 17.500 | 18.498 |
| Cổ tức (VND/cổ phiếu) | 0 | 1.000 | 1.000 | 1.000 |
| EBIT | 380 | 823 | 740 | 742 |
| EBITDA | 625 | 1.082 | 967 | 983 |
| Tăng trưởng | | | | |
| Doanh thu | 96,9% | 15,3% | -19,0% | -1,8% |
| EBITDA | 8,4% | 73,1% | -10,6% | 1,7% |
| EBIT | -7,0% | 116,6% | -10,1% | 0,3% |
| Lợi nhuận ròng | -19,4% | 136,5% | -9,6% | 7,6% |
| Vốn chủ sở hữu | 83,4% | 9,6% | 24,1% | 5,9% |
| Vốn điều lệ | 104,8% | 0,0% | 23,4% | 0,0% |
| Tổng tài sản | 64,5% | 6,1% | -7,6% | 2,4% |
| Định giá | | | | |
| PE | 13,2 | 4,4 | 7 | 6,5 |
| PB | 1 | 0,7 | 0,7 | 0,7 |
| Giá/Doanh thu | 0,3 | 0,2 | 0,4 | 0,4 |
| Tỷ suất cổ tức | 0,0% | 7,9% | 7,7% | 7,7% |
| EV/EBITDA | 8 | 4,1 | 0,9 | 0,9 |
| EV/Doanh thu | 0,6 | 0,5 | 0,1 | 0,1 |
| Các hệ số khả năng sinh lời | | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 8,4% | 11,3% | 13,1% | 13,3% |
| Tỷ suất lợi nhuận hoạt động | 4,2% | 7,5% | 8,2% | 8,4% |
| Tỷ suất lợi nhuận ròng | 2,6% | 5,4% | 6,1% | 6,6% |
| Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần | 2,0% | 2,3% | 2,8% | 2,8% |
| Chi phí quản lý/Doanh thu thuần | 1,5% | 1,6% | 2,0% | 2,0% |
| ROE | 9,2% | 16,1% | 12,4% | 11,7% |
| ROA | 3,5% | 6,5% | 5,9% | 6,5% |
| ROIC | 5,9% | 10,0% | 9,0% | 9,1% |

KHUYẾN CÁO

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo. Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. SSI và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của SSI và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. SSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này.

SSI nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của SSI.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Chiến lược thị trường

Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên phân tích cao cấp
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích
tamntd@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Phân tích kỹ thuật

Phạm Thị Thu Hiền

Chuyên viên phân tích
hienptt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8710

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh

Chuyên viên phân tích cao cấp
thanhntk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Nguyễn Thị Thanh Tú, CFA

Chuyên viên phân tích cao cấp
tuntt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8718

Lê Huyền Trang

Chuyên viên phân tích
tranglh@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Phân tích cổ phiếu KHCN

Nguyễn Đăng Khoa

Chuyên viên phân tích
khoand1@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

Nguyễn Trọng Đình Tâm

Chuyên viên phân tích
tamntd@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715